

Bản án số: **29/2019/HSST**

Ngày: 26/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thành

2. Bà Phạm Thị Tuyết

Thư ký phiên toà: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Hoàng Anh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Văn H**, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1973, tại Yên Bái

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 08 (Nay là tổ dân phố H), phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/10; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam

Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1940; hiện đang trú tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Con bà Chu Thị T, sinh năm 1946; hiện đang trú tại Tổ 08 (Nay là tổ dân phố H), phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không

Tiền án: 02

+ Bản án số 07/HSST ngày 21/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt Nguyễn Văn H 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/04/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày 14/9/2015, thi hành xong phần án phí.

+ Tại bản án số 53/2016/HSPT ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt Nguyễn Văn H 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/01/2018. Ngày 04/9/2018, thi hành xong phần án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/02/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

1. Anh Ngô Trung C, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ 69 (nay là tổ 15), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Lương S1, sinh năm 1956

Trú tại: Tổ 69 (nay là tổ 15), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

2. Anh Trần Quang T1, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/12/2018, Nguyễn Văn H gặp bạn là Trần Quang T1 ở quán nước, khu vực ga Yên Bái, thuộc phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tại đây H rủ T1 đi vào nhà bạn của mình ở phường Nam Cường, thành phố Yên Bái để chơi, T1 đồng ý. T1 sử dụng xe đạp của mình chở H vào khu vực phường Nam Cường, thành phố Yên Bái, do không gặp bạn của H, nên T1 chở H đi về theo hướng đường Hòa Bình, đến khoảng 14 giờ khi đi đến nhà anh Ngô Trung C, H thấy trong phòng khách nhà anh C, phía bên phải tường nhà có treo một lồng chim, bên trong có nhốt 01 con chim cu gáy, quan sát không có người nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc lồng chim và con chim phía trong. Khi T1 điều khiển xe đạp qua nhà anh C khoảng 20m, H bảo T1 cho H xuống có chút việc và nói T1 về trước, H quay lại nhà anh C, thấy trong nhà không có ai, H tiến lại gần, lấy chiếc lồng chim cu gáy chạy ra ngoài đường đại lộ Nguyễn Thái Học, đi được khoảng 20m thì bị anh C phát hiện và truy hô mọi người cùng đuổi H. Bị truy đuổi, H bỏ lại chiếc lồng chim và con chim cu gáy nhốt trong lồng ở ven đường rồi chạy thoát. Anh C mang con chim cu gáy của mình về tiếp tục chăm sóc. Quá trình chăm sóc do sơ suất anh C đã để bay mất con chim.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Yên Bái đã tạm giữ 01 chiếc lồng chim bằng nan tre và đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Ngô Trung C.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái đã có Công văn số 134 ngày 21/01/2019 đề nghị Hội đồng định giá tài sản thành phố Yên Bái định giá tài sản đối với 01 chiếc lồng chim và 01 con chim cu gáy.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xác định: 01 con chim cu gáy không xác định được đặc điểm cụ thể (không thu hồi được) không có căn cứ xác định giá trị tài sản; 01 chiếc lồng chim được làm bằng tre có giá 250.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Bị cáo không có tranh luận gì với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Bản cáo trạng số 22/CT - VKSTP ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Ngô Trung C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.
- Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, nên không xét.
- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi Trộm cắp tài sản do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chưa định giá đối với con chim cu gáy bị mất, không thu hồi được là chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ trong hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận khoảng 14h ngày 07/12/2018 tại gia đình anh Ngô Trung C (thuộc tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái), Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt một chiếc lồng chim, và một con chim cu gáy bên trong.

Đối với chiếc lồng chim, theo Bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản có trị giá là 250.000đồng. Đối với con chim cu gáy, Hội đồng định giá không xác định được giá trị tài sản (với lý do không xác định được đặc điểm cụ thể, không thu hồi được). Quá trình nghiên cứu hồ sơ, Tòa án thấy Hội đồng định giá mới chỉ tham khảo ý kiến của một cá nhân, là ông Trịnh Quốc Đ (chủ cửa hàng bán lồng chim và chim cảnh; trú tại tổ 24, phường H, thành phố Yên Bái), đã đi đến kết luận “*không có căn cứ xác định giá trị của con chim cu gáy bị mất*”; trong khi vẫn có các căn cứ khác để xác định trị giá của tài sản được quy định tại Điều 219 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị định 30/2018/NĐ - CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ; Thông tư số 43/2018/TT - BTC ngày 07/5/2018, nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chưa thực hiện. Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ cho Viện kiểm sát yêu cầu điều tra bổ sung 2 lần, tại các quyết định số 04 ngày 14/5/2019 và số 05 ngày 29/5/2019. Tại các quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, đã chỉ rõ yêu cầu “*định giá tài sản bổ sung đối với con chim cu gáy bị mất*”, đồng thời viện dẫn các căn cứ pháp lý làm cơ sở thực hiện, nhưng Viện kiểm sát không thực hiện yêu cầu bổ sung theo Quyết định của Tòa án. Xét thấy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ trong hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định được đầy đủ, mức độ thiệt hại của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhưng cũng không thể tự mình bổ sung được. Do đó, Tòa án xét xử bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng truy tố.

Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc lồng chim có giá trị 250.000đồng của anh Ngô Trung C do bị cáo thực hiện, mặc dù dưới mức tối thiểu về định lượng quy định tại khoản 1 Điều 173BLHS (dưới 2.000.000đồng). Nhưng do bị cáo có hai tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa, nên hành vi chiếm đoạt tài sản lần này của bị cáo, đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của anh Ngô Trung C là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo là người có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, xong lười lao động, không có nghề nghiệp, có nhân thân xấu. Từng 7 lần bị đưa ra xét xử về các tội Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản vào các năm 1991; 1992; 1997; 2001; 2006; 2014; 2016. Đối với các bản án xét xử vào các năm 1991; 1992; 1997; 2001; 2006, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích; Riêng các bản án xét xử vào năm 2014 và 2016 cùng về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Nhiều lần bị phạt tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm, để làm ăn lương thiện, mà lại tiếp tục phạm

tội. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Do đó cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, HĐXX có xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51BLHS, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án này còn có đối tượng Trần Quang T1, là người đã chở H đi qua nhà anh Ngô Trung C, quá trình điều tra đã xác định được T1 không liên quan gì đến hành vi phạm tội do H thực hiện. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xử lý về hình sự đối với Trần Quang T1 là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại là anh Ngô Trung C vắng mặt, nhưng có lời khai trong hồ sơ, anh C không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, nên không xét.

[9] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[10] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các Điều 136; 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **01** năm **06** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2019. (Ngày tạm giam bị cáo)

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố YB;
- Công an thành phố YB;
- Trại tạm giam (bị cáo);
- Người bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSND TPYB;
- CATPYB;
- Trại tạm giam (bị cáo);
- Người bị hại (1);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Thủy

